

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 793/2026/DS-PT
Ngày: 14-9- 2026
V/v tranh chấp “Hợp đồng góp hụi”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Thái Dũng.

Các Thẩm phán:

- Ông Lê Thanh Tôn;

- Ông Nguyễn Chí Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Vân- Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:
Bà Hà Ngọc Thư Trúc- Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 487/2026/TLPT-DS ngày 13/7/2026 về việc tranh chấp “Hợp đồng góp hụi”

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 128/2026/DS-ST ngày 05 tháng 5 năm 2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 4- Đồng Tháp bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1260/2026/QĐ-PT ngày 23 tháng 7 năm 2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Kim T**, sinh năm 1961.

Địa chỉ: Khu phố N, phường N, tỉnh Đồng Tháp.

Đại diện theo ủy quyền: Chị **Nguyễn Thị Kim C**, sinh năm 1987

Địa chỉ: Khu phố P, phường N, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn: Bà **Hồ Thị T1**, sinh năm 1974.

Địa chỉ: Khu phố N, phường N, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn bà Hồ Thị T1.

Tại phiên tòa có mặt bà Kim T, chị Kim C, chị T1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm,

*** Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim T trình bày:**

Bà T với bà Hồ Thị T1 là có quan hệ quen biết, bà T có làm chủ hội và bà T1 có tham gia 07 dây hội do bà T làm chủ, cụ thể như sau:

Dây 1: Hội tháng, khai ngày 10/11/2019, hội 2.000.000đồng/phần, có 24 người, 47 phần, bà T1 tham gia 01 phần, tên trong danh sách hội là T1, đóng được 04 lần hội sống, đến lần thứ 05 thì bà hốt hội, được 58.440.000đồng. Sau khi hốt hội có đóng được 22 lần hội chết thì ngưng. Như vậy dây này bà T1 còn nợ bà T 20 lần hội chết là 40.000.000đồng. Hội này đã mãn hội.

Dây 2: Hội tháng, khai ngày 10/11/2019, hội 2.000.000đồng/phần, có 30 người, 47 phần, bà T1 tham gia 01 phần, tên trong danh sách hội là T1, đóng được 04 lần hội sống, đến lần thứ 05 thì bà hốt hội, được 58.440.000đồng. Sau khi hốt hội có đóng được 22 lần hội chết thì ngưng. Như vậy dây này bà T1 còn nợ bà T 20 lần hội chết là 40.000.000đồng. Hội này đã mãn hội.

Dây 3: Hội tháng, khai ngày 29/02/2021, hội 2.000.000đồng/phần, có 29 người, 50 phần, bà T1 tham gia 01 phần, tên trong danh sách hội là T1, đóng được 04 lần hội sống, đến lần thứ 05 thì bà hốt hội, được 48.600.000đồng. Sau khi hốt hội có đóng được 07 lần hội chết thì ngưng. Như vậy dây này bà T1 còn nợ bà T 38 lần hội chết là 76.000.000đồng. Hội này đã mãn hội.

Dây 4: Hội tháng, khai ngày 29/02/2021, hội 2.000.000đồng/phần, có 32 người, 50 phần, bà T1 tham gia 01 phần, tên trong danh sách hội là T1, đóng được 02 lần hội sống, đến lần thứ 03 thì bà hốt hội, được 57.250.000đồng. Sau khi hốt hội có đóng được 09 lần hội chết thì ngưng. Như vậy dây này bà T1 còn nợ bà T 38 lần hội chết là 76.000.000đồng. Hội này đã mãn hội.

Dây 5: Hội tháng, khai ngày 29/02/2021, hội 2.000.000đồng/phần, có 32 người, 50 phần, bà T1 tham gia 03 phần, tên trong danh sách hội là T1, các phần hội thực hiện như sau:

Phần 1: đóng được 04 lần hội sống, đến lần thứ 05 thì bà hốt hội, được 47.700.000đồng. Sau khi hốt hội có đóng được 07 lần hội chết thì ngưng. Như vậy phần hội này bà T1 còn nợ bà T 38 lần hội chết là 76.000.000đồng.

Phần 2: đóng được 07 lần hội sống, đến lần thứ 08 thì bà hốt hội, được 50.580.000đồng. Sau khi hốt hội có đóng được 04 lần hội chết thì ngưng. Như vậy phần hội này bà T1 còn nợ bà T 38 lần hội chết là 76.000.000đồng.

Phần 3: đóng được 09 lần hội sống, đến lần thứ 10 thì bà hốt hội, được 62.600.000đồng. Sau khi hốt hội có đóng được 02 lần hội chết thì ngưng. Như vậy phần hội này bà T1 còn nợ bà T 38 lần hội chết là 76.000.000đồng.

Tổng dây hụi này bà T1 thiếu bà T 228.000.000đồng. Hụi này đã mãn hụi.

Dây 6: Hụi tháng, khai ngày 29/02/2021âl, hụi 2.000.000đồng/phần, có 31 người, 50 phần, bà T1 tham gia 02 phần, tên trong danh sách hụi là T1 và N con T1, các phần hụi thực hiện như sau:

Phần 1 (tên T1): đóng được 02 lần hụi sống, đến lần thứ 03 thì bà hốt hụi, được 57.955.000đồng. Sau khi hốt hụi có đóng được 09 lần hụi chết thì ngưng. Như vậy phần hụi này bà T1 còn nợ bà T 38 lần hụi chết là 76.000.000đồng.

Phần 2 (tên N con T1): đóng được 04 lần hụi sống, đến lần thứ 05 thì bà hốt hụi, được 49.550.000đồng. Sau khi hốt hụi có đóng được 07 lần hụi chết thì ngưng. Như vậy phần hụi này bà T1 còn nợ bà T 38 lần hụi chết là 76.000.000đồng.

Tổng dây hụi này bà T1 thiếu bà T 152.000.000đồng. Hụi này đã mãn hụi.

Dây 7: Hụi tháng, khai ngày 20/02/2020âl, hụi 2.000.000đồng/phần, có 26 người, 42 phần, bà T1 tham gia 01 phần, tên trong danh sách hụi là T1, đóng được 04 lần hụi sống, đến lần thứ 05 thì bà hốt hụi, được 53.265.000đồng. Sau khi hốt hụi có đóng được 19 lần hụi chết thì ngưng. Như vậy dây này bà T1 còn nợ bà T 18 lần hụi chết là 36.000.000đồng. Hụi này đã mãn hụi.

Tổng cộng bà T1 nợ bà T 648.000.000đồng. Nay yêu cầu bà T1 phải trả bà T số tiền 648.000.000đồng. Yêu cầu trả một lần.

*** Bị đơn bà Hồ Thị T1 trình bày: Bà T1 có tham gia 07 dây hụi do bà T làm đầu thảo hụi, cụ thể như sau:**

Dây 1: Hụi tháng, khai ngày 10/11/2019âl, hụi 2.000.000đồng/phần, có 24 người, 47 phần, bà tham gia 01 phần, tên trong danh sách hụi là T1, đóng được 04 lần hụi sống, đến lần thứ 05 thì hốt hụi, được 58.440.000đồng. Sau khi hốt hụi có đóng được 33 lần hụi chết thì ngưng. Như vậy dây hụi này bà còn nợ 09 lần hụi chết là 18.000.000đồng. Hụi này đã mãn hụi.

Dây 2: Hụi tháng, khai ngày 10/11/2019âl, hụi 2.000.000đồng/phần, có 30 người, 47 phần, bà tham gia 01 phần, tên trong danh sách hụi là T1, đóng được 04 lần hụi sống, đến lần thứ 05 thì hốt hụi, được 58.440.000đồng. Sau khi hốt hụi có đóng được 33 lần hụi chết thì ngưng. Như vậy dây này bà còn nợ 09 lần hụi chết là 18.000.000đồng. Hụi này đã mãn hụi.

Dây 3: Hụi tháng, khai ngày 29/02/2021âl, hụi 2.000.000đồng/phần, có 29 người, 50 phần, bà tham gia 01 phần, tên trong danh sách hụi là T1, đóng được 04 lần hụi sống, đến lần thứ 05 thì hốt hụi, được 49.500.000đồng. Sau khi hốt hụi có đóng được 18 lần hụi chết thì ngưng. Như vậy dây này bà còn nợ 27 lần hụi chết là 54.000.000đồng. Hụi này đã mãn hụi.

Dây 4: Hụi tháng, khai ngày 29/02/2021âl, hụi 2.000.000đồng/phần, có 32 người, 50 phần, bà tham gia 01 phần, tên trong danh sách hụi là T1, đóng được 02 lần hụi sống, đến lần thứ 03 thì hốt hụi, được 57.250.000đồng. Sau khi hốt hụi có đóng được 20 lần hụi chết thì ngưng. Như vậy dây này bà còn nợ 27 lần hụi chết là 54.000.000đồng. Hụi này đã mãn hụi.

Dây 5: Hụi tháng, khai ngày 29/02/2021^âl, hụi 2.000.000đồng/phần, có 32 người, 50 phần, bà tham gia 01 phần, tên trong danh sách hụi là T1, đóng được 09 lần hụi sống, đến lần thứ 10 thì hốt hụi, được 62.600.000đồng. Sau khi hốt hụi có đóng được 13 lần hụi chết thì ngưng. Như vậy dây này bà còn nợ 27 lần hụi chết là 54.000.000đồng. Hụi này đã mãn hụi.

Dây 6: Hụi tháng, khai ngày 29/02/2021^âl, hụi 2.000.000đồng/phần, có 31 người, 50 phần, bà tham gia 01 phần, tên trong danh sách hụi là T1, đóng được 07 lần hụi sống, đến lần thứ 8 thì hốt hụi. Sau khi hốt hụi có đóng được 15 lần hụi chết thì ngưng. Như vậy dây này bà còn nợ 27 lần hụi chết là 54.000.000đồng. Hụi này đã mãn hụi.

Dây 7: Hụi tháng, khai ngày 20/02/2020^âl, hụi 2.000.000đồng/phần, có 26 người, 42 phần, bà tham gia 01 phần, tên trong danh sách hụi là T1, đóng được 04 lần hụi sống, đến lần thứ 05 thì hốt hụi, được 53.265.000đồng. Sau khi hốt hụi có đóng được 31 lần hụi chết thì ngưng. Như vậy dây này bà còn nợ 06 lần hụi chết là 12.000.000đồng. Hụi này đã mãn hụi.

Tổng cộng bà nợ tiền hụi bà T là 264.000.000đồng.

* Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim T xác định:

Do dây hụi số 6 khai ngày 20/9/2021^âl, bà T1 tham gia 02 phần, tên trong danh sách hụi là T1 và N con T1. Nay bà T1 không thừa nhận phần hụi ghi tên N con T1 trong danh sách hụi (thực tế là do bà T1 tham gia và thực hiện) nên xin rút lại yêu cầu đối với phần hụi này là 76.000.000đồng. Khi nào cũng cố chứng cứ thì bà sẽ khởi kiện lại bằng vụ án khác.

Theo đơn khởi kiện ngày 15/10/2025 bà yêu cầu bà T1 trả số tiền nợ hụi là 693.100.000đồng, nay xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với bà Hồ Thị T1 phải trả số tiền hụi còn lại theo đơn khởi kiện là 121.100.000đồng, chỉ yêu cầu bà Hồ Thị T1 trả số tiền nợ hụi còn lại là 572.000.000đồng. Yêu cầu bà T1 trả mỗi tháng là 4.000.000đồng.

- Bị đơn bà Hồ Thị T1 đồng ý trả cho bà Nguyễn Thị Kim T số tiền nợ hụi là 264.000.000đồng, xin trả dần mỗi tháng là 500.000đồng.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 128/2026/DS-ST ngày 05 tháng 5 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 4- Đồng Tháp đã quyết định:

Áp dụng các Điều 471, Khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự; Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ.

- Căn cứ Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim T.

- Buộc bà Hồ Thị T1 phải có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Kim T số tiền nợ hui còn thiếu là **572.000.000đồng** (năm trăm bảy mươi hai triệu đồng). Thực hiện nghĩa vụ giao trả mỗi tháng là 4.000.000đồng cho đến khi hết số tiền nợ 572.000.000đồng, bắt đầu trả vào ngày 05/6/2026.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim T đối với yêu cầu bà Hồ Thị T1 phải trả số tiền hui còn lại theo đơn khởi kiện là 121.100.000đồng.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 20 tháng 5 năm 2026, bị đơn Hồ Thị T1 kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa cấp phúc thẩm sửa toàn bộ bản án sơ thẩm: Xác định bà T1 chỉ tham gia 07 phần hui, xác định số tiền thực tế bà còn nợ là 264.000.000 đồng, xin trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng, với các lý do:

Thứ nhất, tòa án cấp sơ thẩm xác định không đúng số phần hui bà T1 tham gia.

Thứ hai, tòa án cấp sơ thẩm chưa áp dụng đúng quy định về nghĩa vụ chứng minh.

Thứ ba, số tiền thực tế bà T1 còn nợ là 264.000.000 đồng chứ không phải là 572.000.000 đồng như nguyên đơn trình bày.

Thứ tư, vi phạm thủ tục tố tụng tại phiên tòa sơ thẩm: Tại phiên tòa sơ thẩm bà T là nguyên đơn nhưng không trực tiếp trình bày yêu cầu khởi kiện, nội dung khởi kiện mà để con gái bà trình bày, tuy nhiên theo hồ sơ vụ án con gái bà T không có tham gia tố tụng trong vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người kháng cáo bị đơn Hồ Thị T1 trình bày: Chị xác định chỉ còn nợ bà T tổng cộng 260.000.000đ tiền hui chết và xin được trả dần phần nợ này 1.000.000đ/tháng.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là chị C trình bày: Án sơ thẩm giải quyết vụ án là có căn cứ, đúng pháp luật, việc chị T1 khai còn nợ 260.000.000đ là không có căn cứ thực tế còn nợ 572.000.000đ, nên yêu cầu giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và các văn bản pháp luật có liên quan đến việc xét xử vụ án. Người tham gia tố tụng chấp hành đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo qui định của pháp luật.

- Về nội dung:

Cấp sơ thẩm giải quyết buộc chị T1 phải có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Kim T số tiền nợ hui còn thiếu là 572.000.000đồng là có căn cứ, đúng pháp luật, phía chị T1 kháng cáo cho rằng chỉ còn nợ 260.000.000đ nhưng không có chứng cứ chứng minh, phía nguyên đơn không thừa nhận nên kháng cáo của bị đơn không có cơ sở xem xét, tuy nhiên phần tuyên đình chỉ đối với việc nguyên đơn rút yêu cầu

cần tuyên quyền khởi kiện lại, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nội dung yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, bị đơn, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim T khởi kiện yêu cầu chị Hồ Thị T1 trả số tiền nợ của 07 dây hụi tổng cộng là 648.000.000đồng, cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp “*Hợp đồng góp hụi*”, và thụ lý giải quyết là nội dung khởi kiện, đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ngày 05/5/2026 Tòa án nhân dân khu vực 4- Đồng Tháp xét xử vụ án, không đồng ý với bản án sơ thẩm, ngày 19/5/2026, bị đơn kháng cáo bản án sơ thẩm là trong hạn theo quy định tại Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung: Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Kim T yêu cầu chị T1 trả cho bà số tiền nợ hụi của 07 dây hụi còn lại là 572.000.000đồng. Phía chị T1 cho rằng chỉ còn nợ bà T 264.000.000 đồng chứ không phải là 572.000.000 đồng như nguyên đơn trình bày

Các bên đương sự thống nhất là chị T1 tham gia 07 dây hụi do bà T làm đầu thảo, bà T khai chị T1 tham gia 09 phần, còn nợ hụi chết 572.000.000 đồng, còn phía chị T1 cho rằng tham gia tổng cộng 7 phần chỉ còn nợ bà T 264.000.000 đồng hụi chết. Xét thấy, khi chị T1 hốt hụi bà T đã giao đủ hụi cho chị T1, việc giao tiền hụi có giấy tờ đầy đủ, chị T1 lại không chứng minh được việc chị đã đóng hụi chết cho bà T như lời chị đã trình bày, trong khi phía bà T không thừa nhận, tại bản tự khai ngày 06/4/2026 (bl 23) chị T1 thừa nhận chơi 07 dây hụi do bà T làm đầu thảo và tham gia 10 phần, còn nợ lại hụi chết tổng cộng 391.000.000đ, chị không nhớ các lần hốt hụi và số tiền cụ thể, và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh nên lời trình bày của chị T1 không có cơ sở xem xét.

Đối với việc Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim T về việc yêu cầu chị Hồ Thị T1 phải trả số tiền hụi còn lại theo đơn khởi kiện là 121.100.000đồng, cấp sơ thẩm chưa tuyên hậu quả pháp lý, quyền khởi kiện lại là thiếu sót.

Về việc thi hành án, cấp sơ thẩm tuyên bị đơn có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn 4.000.000đ/tháng/số tiền nợ là không cần thiết, bởi lẽ, việc trả bao nhiêu và như thế nào thì đến giai đoạn thi hành án các đương sự có quyền thỏa thuận đối với phần tiền phải thi hành

Phía bị đơn kháng cáo nhưng không cung cấp tài liệu, chứng cứ mới chứng minh, cấp sơ thẩm giải quyết vụ án là có căn cứ, đúng pháp luật nên yêu cầu kháng cáo của chị T1 không có cơ sở xem xét.

Ý kiến của kiểm sát viên là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận

[3] Về án phí: các đương sự chịu án phí theo quy định

[4] Các vấn đề khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị phát sinh hiệu lực pháp luật kể từ thời điểm hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Hồ Thị T1.

Giữ nguyên bản án số 128/2026/DS-ST ngày 05 tháng 5 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 4- Đồng Tháp

Áp dụng các Điều 471, Khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự; Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ.

- Căn cứ Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim T.

Buộc bà Hồ Thị T1 phải có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Kim T số tiền nợ hui còn thiếu là **572.000.000đồng** (năm trăm bảy mươi hai triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim T đối với yêu cầu bà Hồ Thị T1 phải trả số tiền hui còn lại theo đơn khởi kiện là 121.100.000đồng.

Bà Nguyễn Thị Kim T có quyền khởi kiện lại vụ việc theo quy định của pháp luật

3. Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Hồ Thị T1 phải chịu 26.880.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Án phí phúc thẩm: Bà Hồ Thị T1 phải chịu 300,000đ án phí dân sự phúc thẩm, bà T1 đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm số tiền 300.000 đồng theo biên lai số 0008075 ngày 20 tháng 5 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp xem như đã nộp xong án phí phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- TAND khu vực 4-Đồng Tháp;
- VKSND khu vực 4- Đồng Tháp;
- THADS tỉnh Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ngọc Thái Dũng